

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 8 năm 2020

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

\* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

\* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm Giang.

2. Ông Giáp Hồng Thanh.

\* **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

\* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1991 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh B;

Tạm trú: Số nhà 39/Ấp 2, đường Phan Văn H, xã X, huyện H, thành phố H;

\* Bị đơn: Anh Giáp Văn P, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Thượng, xã C, huyện T, tỉnh B;

Tạm trú: Nhà hàng H (khu hồ M), đường T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị C trình bày:

Chị và anh Giáp Văn P kết hôn ngày 12/4/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ C cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn thì chị và anh P về chung sống với nhau tại thôn T, xã C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh P. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P chơi cờ bạc và vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái, thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Giáp Văn P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Giáp Anh H, sinh ngày 17/12/2012, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Hiện chị đang làm nhân viên bán hàng tại siêu thị, thu nhập 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C vắng mặt.

\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2020, bị đơn là anh Giáp Văn P trình bày:

Anh kết hôn với chị Lê Thị C vào ngày 12/4/2012 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh B. Sau khi đăng ký kết hôn và tổ C cưới theo phong tục, chị C về chung sống với anh ngay tại thôn T, xã C. Vợ chồng anh chung sống bình thường đến giữa năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong chuyện làm ăn, chị C muốn vào Miền Nam làm ăn, anh không đồng ý nhưng chị C vẫn tự ý đi. Anh đã nhiều lần động viên chị C về nhưng chị C không nghe. Từ tháng 01/2020 đến nay, vợ chồng anh chị không gặp nhau, chị C cũng chặn số điện thoại của anh, không còn quan tâm tình cảm vợ chồng nữa.

Nay chị C xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Giáp Anh H - sinh ngày 17/12/2012 hiện đang ở với chị C tại Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh B. Ly hôn anh nhận nuôi con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho con.

Hiện anh làm đầu bếp ở Nhà hàng H (khu hồ M), đường T, phường S, thành phố C, tỉnh H, thu nhập 15.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con. Công việc của anh phải di chuyển thường xuyên nhiều tỉnh, nên nếu được nuôi con anh sẽ đưa con về nhờ chị gái anh trông nom, chăm sóc giúp.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh P vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2020, bà Giáp Thị H – Phó Trưởng thôn Thượng cho biết: Anh Giáp Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C. Anh P kết hôn với chị C năm 2012, sau khi kết hôn vợ chồng anh P đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thôn Thượng. Quá trình chung sống, vợ chồng chị C, anh P phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh P và chị C có 01 con chung sinh năm 2012. Vợ, con anh P đều có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Bố mẹ anh P đã chết, anh P chỉ có 01 chị gái ruột.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2020, ông Giáp Văn L là chú ruột anh P cho biết: Năm 2012, anh P kết hôn với chị Lê Thị C. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh P có ở

thôn Thượng, sau đó đi làm ăn ở huyện Lục Nam. Thời gian đầu, vợ chồng anh P chung sống hạnh phúc, đến tết âm lịch năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P không tu chí làm ăn, hay ghen tuông, nghi ngờ vợ nên vợ chồng xảy ra cãi vã, chị C đã vào miền Nam làm ăn. Gia đình ông đã khuyên bảo, động viên nhiều lần nhưng vợ chồng anh P không đoàn tụ được. Nay nếu chị C nhất quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho anh P và chị C ly hôn theo quy định. Vợ chồng anh P, chị C có 01 con chung là Giáp Anh H, sinh năm 2012, hiện ở với chị C.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2020, bà Trần Thị T là thím của anh Giáp Văn P cho biết: Bà là vợ của ông Giáp Văn L. Anh Giáp Văn P kết hôn với chị C năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C, anh P sinh sống tại thôn Thượng rồi đi làm ăn ở huyện Lục Nam. Từ tết âm lịch năm 2020 đến nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong chuyện làm ăn kinh tế, anh P không đồng ý cho chị C vào miền Nam làm ăn. Khi chị C vào miền Nam thì anh P lại ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Anh P và chị C có 01 con chung là Giáp Anh H, sinh năm 2012, hiện ở với chị C. Nếu chị C và anh P ly hôn thì chị C là mẹ sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt hơn.

Tại biên bản xác minh ngày 03/8/2020, Công an xã C, huyện T cung cấp: Anh Giáp Văn P có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Thượng, xã C, huyện T, tỉnh B. Anh P không đăng ký tạm vắng tại địa phương. Anh P đi làm ăn ở nơi khác, vẫn về địa phương nhưng thời gian không cố định.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, tài sản, công nợ, án phí nhưng chị C và anh P đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh P không chấp hành theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 144; khoản 01 Điều 147; Khoản 01 Điều 227; Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C được ly hôn với anh Giáp Văn P.
- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu Giáp Anh H, sinh ngày 17/12/2012. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không xem xét, giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với chị Lê Thị C, anh Giáp Văn P nhưng vắng mặt. Chị Lê Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 01 khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 31/2020/QĐ-CCTLCC ngày 22/6/2020 về việc yêu cầu anh P cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ, liên quan đến tranh chấp hôn nhân và gia đình, bản tự khai trình bày quan điểm về: quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án cho anh Giáp Văn P nhưng anh P không có mặt tham gia hòa giải, xét xử và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2020, bị đơn là anh Giáp Văn P trình bày: Anh P vẫn về nhà ở thôn T, xã C, huyện Tân Yên. Anh nhận hợp đồng nấu ăn ở nhiều nơi nên thường xuyên phải đi lại nhiều tỉnh. Mọi văn bản tố tụng đề nghị Tòa án gửi qua đường bưu điện cho anh P theo địa chỉ: Giáp Văn P – sinh năm 1982, Nhà hàng H (khu hồ M), đường T, phường S, thành phố C, tỉnh H là hợp lệ.

Như vậy, địa chỉ nơi làm việc của anh P không cố định. Hiện hộ khẩu thường trú của anh P vẫn tại thôn T, xã C, huyện Tân Yên và không đăng ký tạm vắng, anh P vẫn về nhà tại địa chỉ này nên Tòa án huyện Tân Yên thụ lý là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39 BLTTDS. Tòa án tổng đạt theo địa chỉ: Nhà hàng H (khu hồ M), đường T, phường S, thành phố C, tỉnh H mà anh P đề nghị là hợp lệ và phù hợp khoản 01 Điều 177 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Lê Thị C và anh Giáp Văn P xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh P đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị C, anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Giáp Văn P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị C và anh Giáp Văn P có 01 con chung là Giáp Anh H, sinh ngày 17/12/2012, hiện đang ở cùng chị C. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Chị C, anh P đều có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống để nuôi con chung. Tuy nhiên, anh P đang làm nghề nấu ăn, do đặc thù công việc nên thường phải di chuyển nhiều nơi, nhiều tỉnh. Mặt khác, anh P trình bày nếu được nuôi con chung thì sẽ nhờ chị gái anh P trông nom, chăm sóc giúp thì sẽ

không đảm bảo bằng sự thương yêu nuôi dưỡng trực tiếp của bố hoặc mẹ. Hiện tại cháu Giáp Anh H đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cháu Huy đang phát triển ổn định, bình thường. Để ổn định tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng cháu Huy, Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung của anh P. Cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung của chị C như hiện nay. Giao cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Giáp Anh H, sinh ngày 17/12/2012 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu Huy và phù hợp Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Anh Giáp Văn P không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do Chị Lê Thị C, anh Giáp Văn P không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Lê Thị C, anh Giáp Văn P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 01 Điều 177; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C được ly hôn anh Giáp Văn P.
2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Giáp Anh H, sinh ngày 17/12/2012.

Anh Giáp Văn P không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do Chị Lê Thị C, anh Giáp Văn P không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0006335 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Chị Lê Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã C
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Ánh Dương**